

Bản án số: 03/2018-HNGĐ- ST

Ngày: 19- 01-2018

*V/v tranh chấp" ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc " *ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐHNGĐ- ST ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị T**, sinh năm 1991

ĐKKHKT: thôn T, xã B, huyện K, Hải Dương.

Hiện ở: thôn L, xã C, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị T có mặt, anh P vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đào Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn P được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 05/3/2012. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng bố mẹ chồng. Cuộc sống hôn nhân hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân anh P chơi bời, không lo toan cho kinh tế gia đình. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P không nghe mà còn chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống

không còn hạnh phúc. Chị T đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở nên hai bên không còn liên lạc, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Phong.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn P xác định anh chị được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên đã sống ly thân nhưng nay anh vẫn mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Thúy vẫn kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của chị ấy tự quyết định.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/01/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh P. Chị T và anh P cùng có quan điểm giao con chung cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại gia đình và địa phương xác định: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng 2 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân anh P mãi chơi, không lo toan kinh tế cho gia đình. Năm 2015 anh đã sa vào con đường vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án 2 năm tù. Từ khi anh P đi chấp hành án chị T cũng về nhà bố mẹ đẻ ở không quay về chung sống cùng anh P nữa. Hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh P và giao con chung cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra chị không có đề nghị gì khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cơ bản chấp hành đúng theo quy định của Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/01/2013 cho anh Nguyễn Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Phong về việc không yêu cầu chị Thúy phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Thúy phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh P.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn P được kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Anh P không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp nào để vợ chồng hòa giải đoàn tụ mà để mặc cho hôn nhân đổ vỡ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Thúy và anh Phong đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Thúy, xử cho chị được ly hôn anh Phong là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 11/01/2013. Anh P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì muốn để ổn định cuộc sống, cũng như học tập của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh P là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh P được nuôi dưỡng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để giao con chung là Nguyễn Tuấn K cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P về việc không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Hai bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/01/2013 cho anh Nguyễn Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Đào Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001300 ngày 19/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị T đã nộp đủ.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã Bạch Đằng;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hiền